

Số: 19/2023/HNGĐ - ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2023
"V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và ông Đoàn Văn Doan.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2023/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn C, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc;

Bị đơn: Chị Lại Thị H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc;

(Có mặt anh C, chị H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 02 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, anh Bùi Văn C tiếp tục trình bày:

Anh và chị Lại Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 15/02/2008. Sau ngày cưới, chị H về làm dâu nhà anh ngay và sinh sống cùng gia đình anh đến năm 2009 thì anh chị xuống Hà Nội thuê trọ để làm ăn. Năm 2015, vợ chồng về đất của bố mẹ làm nhà và ở ổn định từ đó đến bây giờ. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bởi, hàng ngày vợ chồng sống không hạnh phúc, chị H luôn nghi ngờ anh ngoại tình với người khác

dẫn đến vợ chồng mất niềm tin với nhau thiếu sự quan tâm chia sẻ. Đỉnh điểm mâu thuẫn là năm 2019, mặc dù vợ chồng cùng sống chung trong một mái nhà nhưng lại ly thân nhau. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cả anh và chị H đều không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau và không ai tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm. Hiện tại chị H đang ở nhà cùng 03 con chung, anh xuống Hà Nội làm thuê. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Bị đơn là chị Lại Thị H, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị tiếp tục trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị H xác định đúng như lời trình bày của anh C ở trên. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2023, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C xin ly hôn chị đồng ý.

Tại phiên tòa, chị H không đồng ý ly hôn mà xin đoàn tụ với lý do, anh C phải làm thủ tục sang tên đất và nhà cho chị đứng một mình thì chị H mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Tại phiên tòa, anh C và chị H đều xác định, vợ chồng có 03 con chung gồm Bùi Hà T, sinh ngày 21/7/2008; Bùi Thu A, sinh ngày 05/9/2009 và Bùi Thu N, sinh ngày 17/4/2014. Hiện tại cả 03 con chung đều đang ở với chị H.

Ly hôn: Anh C và chị H đều thống nhất thỏa thuận, nếu ly hôn chị H sẽ được quyền tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả 03 con chung. Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H với mức 5.000.000đ/tháng (Năm triệu đồng) đối với 03 con chung, kể từ tháng 5/2023 cho đến khi các con thành niên. Cụ thể, cấp dưỡng nuôi cháu T 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng), cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu N mỗi cháu 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng).

Nguyên vọng của cháu T, cháu A và cháu N đều xin được ở với mẹ.

Về tài sản chung, đất ở và đất canh tác: Tại phiên tòa, anh C và chị H đều thống nhất, nếu ly hôn thỏa thuận tự chia tài sản nếu không tự thỏa thuận chia được thì một trong hai người sẽ khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Về công nợ và công sức: Anh C và chị H đều xác định, vợ chồng không có gì nên ly hôn không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Đối với bị đơn, trong thời gian chuẩn bị xét xử bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật nên Kiểm sát viên không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51; 56; 81; 82; 83; 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Văn C và cho anh C được ly hôn với chị H.

- Về con chung:

Ghi nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa của anh C và chị H về việc: Chị Lại Thị H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung là Bùi Hà T, sinh ngày 21/7/2008; Bùi Thu A, sinh ngày 05/9/2009 và Bùi Thu N, sinh ngày 17/4/2014. Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H với mức 5.000.000đ/tháng (Năm triệu đồng) đối với 03 con chung, kể từ tháng 5/2023 cho đến khi các con thành niên. Cụ thể, cấp dưỡng nuôi cháu T 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng), cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu N mỗi cháu 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Anh C và chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh C phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh Bùi Văn C là nguyên đơn, khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là chị Lại Thị H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Quá trình giải quyết, anh C và chị H đều xác định, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên anh C xin ly hôn, chị H đồng ý. Tại phiên tòa, chị H thay đổi quan điểm không đồng ý ly hôn xin được đoàn tụ với lý do anh C phải sang tên đất và nhà của anh chị cho chị H đứng tên thì chị H mới đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào lời trình bày của anh C và chị H trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa và kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã B; căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16, quyền số 01 ngày 15/02/2008 của Ủy ban nhân dân xã B. Hội đồng xét xử thấy rằng, anh C và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B cho nên cần xác định cuộc hôn nhân của anh C và chị H là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, anh C và chị H đều thừa nhận. Trong cuộc sống hàng ngày, giữa vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh chị sống mất niềm tin với nhau dẫn đến cả anh C và chị H đều không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, mặc dù cả hai người vẫn sống chung cùng nhau trong một mái nhà nhưng không ai tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm mà đều chọn cách sống ly thân bỏ mặc tất cả. Tại phiên tòa, chị H có xin đoàn tụ nhưng lý do của chị H xin đoàn tụ chỉ vì mục đích mong muốn được một mình đứng tên khối tài sản chung của chị và anh C. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau xây dựng cuộc sống chung và nuôi dạy các con nhưng vợ chồng vẫn cãi vã, mâu thuẫn vẫn căng thẳng, mục đích chị H xin đoàn tụ chỉ là muốn anh C đồng ý cho chị H đứng tên một mình đất và nhà. Điều đó chứng tỏ lý do, chị H xin đoàn tụ là không thực tâm, tình cảm vợ chồng đã dạn nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, thấy yêu cầu xin ly hôn của anh C là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho anh C được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh C và chị H đều xác định, vợ chồng có 03 con chung gồm Bùi Hà T, sinh ngày 21/7/2008; Bùi Thu A, sinh ngày 05/9/2009 và Bùi Thu N, sinh ngày 17/4/2014. Ly hôn, anh C và chị H đều tự nguyện thỏa thuận, giao cả 03 con chung cho chị H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H 5.000.000đ/tháng (Năm triệu đồng) đối với 03 con chung, kể từ tháng 5/2023

cho đến khi các con thành niên. Cụ thể, cấp dưỡng nuôi cháu T 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng), cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu N mỗi cháu 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng). Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Xét thấy, việc nuôi dạy con là quyền lợi và cũng là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Tại phiên tòa, anh C và chị H đều thỏa thuận với nhau về việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các con. Do vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện trên của anh C và chị H.

Về tài sản chung, đất ở; đất canh tác: Tại phiên tòa, anh C và chị H đều thống nhất, ly hôn thỏa thuận tự chia nếu không tự thỏa thuận chia được thì một trong hai người sẽ khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về công nợ và công sức: Anh C và chị H đều xác định, vợ chồng không có gì nên ly hôn không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Anh C phải chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì vậy, quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên đối với vụ án này được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên./.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51; 56; 81; 82; 83; 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1/ Về hôn nhân: Cho anh Bùi Văn C được ly hôn với chị Lại Thị H.

2/ Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Bùi Văn C và chị Lại Thị H. Giao cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung gồm Bùi Hà T, sinh ngày 21/7/2008; Bùi Thu A, sinh ngày 05/9/2009 và Bùi Thu N, sinh ngày 17/4/2014 cho đến khi các con thành niên. Anh C cho trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H với mức 5.000.000đ/tháng (Năm triệu đồng) đối với 03 con chung, kể từ tháng 5/2023 cho đến khi các con thành niên. Cụ thể, cấp dưỡng nuôi cháu T 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng), cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu N mỗi cháu

2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng). Không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của anh C.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí: Anh Bùi Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001597 ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Anh C còn phải tiếp tục nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã B;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh